CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN SUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN SUẤT ĂN BÁN TRÚ TRƯỜNG TH NGỌC LÂM NĂM HỌC 2024 - 2025

Suất ăn 32.000đ trên một suất ăn đã bao gồm VAT và quà chiều

Thực đơn tuần 07 (từ ngày 21/10 đến 25/10 năm 2024)

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (21/10)	Thịt viên sốt cà chua	Thịt lợn	gram	35	180,000	6,300	55-60	145.0	Chất đốt	1,200	
		Giò sống	gram	30	160,000	4,800					
		Mỡ khổ	gram	10	80,000	800					
		Cà chua	gram	8	30,000	240			Lãi dự kiến	400	
	Ruốc thịt gà	Ruốc gà	gram	15	220,000	3,300	10-12	30.0	Khấu hao	100	
	Rau muống xào	Rau muống	gram	70	25,000	1,750	45-50	14.0	Nhân công	3,900	
	Canh chua dầm me	Me	gram	5	50,000	250	220-240	10.0	NRB	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	210-240	412.0			
	Sữa hộp Hà Nội milk	Sữa hộp Hà Nội milk	hộp	1	5,000	5,000		80.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh….)					2,000					
	Cộng thứ 2					**26,840**		**691.0**		**5,700**	**32,540**
Thứ 3 (22/10)	Cá rô file chiên giòn	Cá rô file	gram	55	180,000	9,900	40-45	70.0	Chất đốt	1,200	
	Trứng kho tàu	Trứng gà	quả	1	3,800	3,800	40-45	90.0	Lãi dự kiến	400	
	Giá đỗ, cà rốt xào	Giá đỗ, cà rốt	gram	55	25,000	1,375	45-50	15.0	Khấu hao	100	
	Canh mùng tơi nấu bột tôm	Mùng tơi	gram	30	25,000	750	220-240	12.0	Nhân công	3,900	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	210-240	412.0	NRB	100	
	Bánh gạo Tràng An	Bánh gạo Tràng An	bánh	2	2,000	4,000		70.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh….)					4,000					
	Cộng thứ 3					**26,225**		**669.0**		**5,700**	**31,925**
Thứ 4 (23/10)	Thịt lợn rim tôm nõn	Thịt lợn	gram	55	180,000	9,900	50-52	125.0	Chất đốt	1,200	
		Tôm nõn	gram	15	200,000	3,000			Lãi dự kiến	400	
	Chuối tiêu	Chuối tiêu	quả	1	2,500	2,500	70-75	105.0	Khấu hao	100	
	Cải thảo cà rốt xào	Cải thảo, cà rốt	gram	75	25,000	1,875	50-52	12.0	Nhân công	3,900	
	Canh bí đỏ nấu thịt	Bí đỏ	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	NRB	100	
		Thịt lợn	gram	2	180,000	360					
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-240	412.0			
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		110.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh….)					2,000					
	Cộng thứ 4					**27,785**		**779.0**		**5,700**	**33,485**

Scanned with CamScanner

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (24/10)	Giò chả rim mắm	Giò chả nạc	gram	60	155,000	9,300	50-52	126.0	Chất đốt	1,200	
	Đậu, thịt sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	110.0	Lãi dự kiến	400	
		Cà chua	gram	10	30,000	300			Khấu hao	100	
		Thịt lợn	gram	5	180,000	900			Nhân công	3,900	
	Cải bắp cà rốt xào	Cải bắp, cà rốt	gram	70	25,000	1,750	50-52	16.0	NRB	100	
	Canh rau cải nấu thịt	Cải xanh	gram	30	25,000	750	220-240	15.0			
		Thịt lợn	gram	2	180,000	360					
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	210-240	412.0			
	Bánh mì tươi cốm	Bánh mì tươi cốm	bánh	1	5,000	5,000		80.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh….)					2,000					
	Cộng thứ 5					**24,510**		**759.0**		**5,700**	**30,210**
Thứ 6 (25/10)	Đùi gà KFC	Tỏi gà	gram	140	100,000	14,000	130-140	167.0	Chất đốt	1,200	
	Sốt cà chua	Tương cà	gram	10	50,000	500	8-10	30.0	Lãi dự kiến	400	
	Khoai tây chiên	Khoai tây	gram	80	30,000	2,400	30-32	24.0	Khấu hao	100	
	Canh thịt nấu chua	Thịt lợn	gram	2	180,000	360	210-240	13.0	Nhân công	3,900	
		Cà chua, me	gram	10	50,000	500			NRB	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	210-240	412.0			
	Kem Caramen Hoa Sữa	Kem Caramen Hoa Sữa	hộp	1	5,000	5,000		110.0			
	Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh….)					3,000					
	Cộng thứ 6					**28,160**		**756.0**		**5,700**	**33,860**

Đại diện Nhà Trường

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Huyền

Ban Bán Trú

Nguyễn Thị Cúc

Đại diện Công Ty

GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Hoàn